

Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

UBND TỈNH TRÀ VINH
CTY TNHH MTV QUẢN LÝ
Khai thác CT Thủy Lợi
MST 2100234245

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 05 tháng 6 năm 2023

Số: 59/CTCTTL

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Kết quả vận hành phục vụ sản xuất nông nghiệp

Trong năm 2022, vận hành hệ thống công trình thủy lợi đã phục vụ tưới, tiêu, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đạt 264.002,53 ha diện tích sản xuất nông nghiệp, đạt 100,79% kế hoạch được UBND tỉnh giao (Kế hoạch giao 261928,16).

2. Công tác quản lý và bảo vệ công trình

Trong năm 2022, được sự quan tâm chỉ đạo của Chủ tịch, Ban Giám đốc Công ty, các đơn vị trực thuộc đã phối hợp chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền vận động người dân thực hiện tốt Luật thủy lợi, thực hiện tốt quy chế phối hợp trong vận hành các công trình thủy lợi, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phân công bám sát địa bàn, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, báo cáo về trên xử lý các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Cụ thể:

- Phối hợp với Đoàn Kiểm tra liên ngành về việc chấp hành các quy định của pháp luật về thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2022 theo Quyết định 221/QĐ-SNN ngày 09/6/2022 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT. Kết quả : Công ty và các Xí nghiệp Thủy nông trực thuộc Công ty cơ bản thực hiện tốt các nội dung theo yêu cầu của đoàn kiểm tra về đảm bảo an toàn công trình

- Qua kiểm tra, phối hợp với các đơn vị trực thuộc kiểm tra, năm 2022 đã phát hiện 125 vụ vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do công ty quản lý, các hành vi vi phạm gồm lấn chiếm cát lều quán, chuồng trại chăn nuôi, mở rộng nhà, xây dựng nhà tạm, công trình phụ, lấp kênh, đào lấy đất bờ kênh, xả nước thải,... Công ty đã phối hợp lập biên bản hiện trường, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý, kết quả xử lý được 91 vụ (chiếm 72,8% tổng số vụ), còn đang xử lý và tồn tại 34 vụ (chiếm 27,2% tổng số vụ). (Trong đó năm 2021 chuyển sang là 48 vụ (đã xử lý được 25 vụ, còn tồn tại 23 vụ; năm 2022 là 77 vụ, xử lý được 66 vụ, còn tồn tại 11 vụ).

- Thực hiện quản lý chất lượng nước thải: Công ty thường xuyên kiểm tra, giám sát, báo cáo công tác xả thải vào nguồn nước theo chức năng, nhiệm vụ.

Qua kết hợp thống kê sơ bộ có khoảng 15 trường hợp xả nước thải thuộc diện phải xin phép

- Tổ chức thực hiện tốt mô hình các điểm công “Xanh - sạch - đẹp và an toàn vệ sinh lao động” ở các công.

- Kết hợp tham gia đôn đốc công tác thủy lợi nội đồng ở địa phương, trong năm đã thực hiện 499 công trình thủy lợi nội đồng (đạt 100% KH) với chiều dài 338.261m, khối lượng 866.912 m³, kết nối dẫn nước thông thoáng tưới tiêu đồng bộ với công trình đầu mối, cấp I, cấp II.

3. Thuận lợi

- Được sự quan tâm lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp giữa các Sở, Ngành và địa phương, sự vận dụng sáng tạo trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của người quản lý công ty, sự đoàn kết, trách nhiệm trong công việc của tập thể người lao động trong toàn công ty.

- Hệ thống công trình thủy lợi tiếp tục được tỉnh quan tâm đầu tư, nâng cấp và sửa chữa, các công trình dẫn nước, các công cứng bức tiếp ngọt, các trạm đo tự động phát huy hiệu quả tạo điều kiện thuận lợi hơn trong công tác kiểm soát nước phục vụ sản xuất. Từ đó công trình thủy lợi vận hành điều tiết nước phục vụ tốt sản xuất.

4. Khó khăn

- Công tác điều tiết vận hành công trình thủy lợi phục vụ sản xuất không ít khó khăn do lịch sản xuất không đồng bộ giữa các huyện, việc xuống giống tự phát, không theo quy hoạch, không tuân thủ lịch thời vụ ở một số nơi cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác điều tiết nước;

- Các công trình đầu tư từ nhiều năm trước đến nay đã xuống cấp, bồi lắng, sạt lở,... kinh phí duy tu, sửa chữa còn thiếu, chưa đáp ứng được so với yêu cầu thực tế;

- Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác thủy lợi, chưa phối hợp tốt trong việc quản lý công, bọng, nội đồng, trong công tác tuyên truyền, ngăn chặn, phát hiện, và xử lý các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Tình trạng lục bình, chướng ngại vật ở các kênh nội đồng còn nhiều gây cản trở dòng chảy.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Sản phẩm 1				

b)	Sản phẩm 2				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	85,878	77,241	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng			
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng			
5	Thuế và các khoản đã nộp nhà nước	Tỷ đồng			
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	Ha	261.928,16	264.002,53	
8	Tổng số lao động	Người	125	118	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	10,260	8,368	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,584	1,288	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	8,676	7,080	

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:

Không có

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
	Dự án quan trọng quốc gia						
	Dự án nhóm A						
	Dự án nhóm B						

2. Các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON: Không có

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ										
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
2 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ										
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									

Người lập biểu

Từ Long Thuận

Trà Vinh, ngày 05 tháng 6 năm 2023



GIÁM ĐỐC

Lê Phước Dũng